

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ M
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2021/HS-ST
Ngày 06-10-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ M, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thảo;

Ông Nguyễn Thanh Cần.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã M, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn Thế - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Bình Dương tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 93/2021/TLST-HS ngày 12 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 134/2021/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 7 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2021/HSST-QĐ ngày 21 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2021/HSST-QĐ ngày 17/9/2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: Hoàng Đình N, sinh năm 2001; tại tỉnh Tây Ninh; hộ khẩu thường trú: Ấp PT, xã PC, huyện (nay là thị xã) TB, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Đình C, sinh năm 1979 và bà Trần Phan Thu H, sinh năm 1983; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt quả tang ngày 23/01/2021 sau đó bị tạm giữ, tạm giam cho đến nay. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Phan Thị T, sinh năm 1988; địa chỉ: Khu phố P, phường BC, thành phố TA, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

2. Ông Lâm Thành S, sinh năm 1992; địa chỉ: Ấp MB, xã MT, huyện U, tỉnh Kiên Giang. Vắng mặt.

- Người làm chứng: Ông Danh K và ông Phạm Trí L đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hoàng Đình N là đối tượng nghiện ma túy, loại Methamphetamine. N thường mua ma túy từ đối tượng tên Khang (không rõ lai lịch) để sử dụng.

Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 23/01/2021, N đang chơi game tại một tiệm Internet ở Khu dân cư KT thuộc phường KB, thị xã M. Lúc này, N nhận được tin nhắn của Q qua mạng xã hội, yêu cầu N về nhà để nhờ chút việc. N đi bộ về nhà ở gần Trại phong BS. Khoảng 30 phút sau, Khang đi xe mô tô (không rõ biển số) chở theo một người phụ nữ (không rõ lai lịch) đến gặp và đưa cho N một gói nylon hàn kín chứa ma túy đá. Q yêu cầu N vào lúc khoảng 23 giờ 00 phút đem số ma túy này đến khu dân cư KT giao cho hai thanh niên để lấy 200.000 đồng, trong đó N sẽ được hưởng 100.000 đồng. N đồng ý và nhận ma túy, cất giấu vào túi quần phía trước đang mặc. Đến khoảng 23 giờ 00 phút, N đi bộ đến cổng khu dân cư KT gặp Danh K và Phạm Trí L. N hỏi Danh K có phải chờ lấy đồ của Q giao không thì K gật đầu và lấy ra 200.000 đồng đưa cho N. N nhận tiền nhưng chưa kịp giao ma túy cho K thì bị lực lượng Công an phường KB bắt quả tang và đưa về trụ sở làm việc.

Vật chứng bị tạm giữ bao gồm: 02 tờ tiền Polyme mệnh giá 100.000 đồng; Một giấy chứng minh nhân dân tên Hoàng Đình N; xe mô tô biển số 61C1-005.60.

Tại Bản kết luận giám định số 49/MT-PC09 ngày 26/11/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương, kết luận: Tinh thể màu trắng gửi giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,1281 gam.

Xe mô tô biển số 61C1-005.60, số máy 23B1-004718, số khung 004718 do bà Phan Thị T đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Bà T khai nhận: Bà T đã bán xe này cho ông Lâm Thành S với giá 3.000.000 đồng, không làm giấy tờ mua bán. Ngày 23/01/2021, ông S cho L mượn xe để đi công việc, ông S không biết việc L sử dụng xe đi mua ma túy. Ngày 20/4/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 42 trả lại xe mô tô này cho ông S. Ông S không có yêu cầu gì khác.

Cáo trạng số 100/CT-VKS.TU ngày 10/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã M quyết định truy tố bị cáo Hoàng Đình N về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung cáo trạng. Bị cáo N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo N đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự tuyên phạt bị cáo Hoàng Đình N từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội “Mua bán trái phép

chất ma túy”. Về xử lý vật chứng, đề nghị tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định; tịch thu sung vào ngân sách nhà nước đối với số tiền thu lợi bất chính từ việc bán ma túy là 200.000 đồng và hoàn trả lại giấy chứng minh nhân dân của bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, không trình bày ý kiến tranh luận. Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo hối hận về hành vi của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã M, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã M, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị T, ông Lâm Thành S và người làm chứng ông Danh K, ông Phạm Trí L vắng mặt. Quá trình điều tra họ đã có lời khai đầy đủ, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng trên.

[3] Đối với đối tượng tên Q đã đưa ma túy cho N để bán cho người mua, do chưa xác định được lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra sẽ tiếp tục điều tra xác minh, xử lý sau là đúng quy định.

[4] Đối với Danh K và Phạm Trí L có hành vi mua ma túy của Q nhằm mục đích sử dụng. Khi K giao tiền cho N nhưng chưa kịp nhận ma túy thì đã bị bắt quả tang nên không đủ căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Danh K và Phạm Trí L về tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

[5] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Hoàng Đình N đã trực tiếp bán ma túy loại Methamphetamine, khối lượng là 0,1282 gam cho Danh K và Phạm Trí L để thu lợi bất chính với số tiền 200.000 đồng (trong đó phần của N được nhận là 100.000 đồng). Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Do vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo với tội danh và khung hình phạt trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[6] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Về tính tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tính tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến hoạt động quản lý của Nhà nước đối với chất ma túy. Bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, ý thức được tác hại của ma túy nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do đó, cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo cải tạo, rèn luyện trở thành công dân có ích. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét toàn diện tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo để có hình phạt tương xứng, nhằm răn đe giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[9] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định là chất cấm theo quy định Nhà nước. Đối với số tiền 200.000 đồng là tiền thu lợi bất chính từ việc bán ma túy, cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Đối với giấy chứng minh nhân dân của bị cáo là giấy tờ tùy thân, không liên quan đến tội phạm nên hoàn trả cho bị cáo. Đối với xe mô tô biển số 61-005.60 của ông Lâm Thành S, ông S cho L mượn xe đi công việc, không biết Lâm dùng xe đi mua ma túy nên Cơ quan Điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại xe cho ông S là đúng quy định.

[10] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, mức hình phạt đối với bị cáo và biện pháp xử lý vật chứng là đúng quy định, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[11] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Hoàng Đình N phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 251; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Hoàng Đình N 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/01/2021.

3. Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật Hình sự:

- Tịch thu, tiêu hủy đối với: Số ma túy Methamphetamine còn lại sau giám định có khối lượng 0,0845 gam được niêm phong trong bì thư ký hiệu 49/MT-

PC09 theo Kết luận giám định số 49/MT-PC09 ngày 26/01/2021 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bình Dương.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 200.000 đồng theo ủy nhiệm chi ngày 04/3/2021.

- Hoàn trả cho bị cáo Hoàng Đình N 01 (Một) Giấy căn cước công dân mang tên Hoàng Đình N.

(Thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/7/2021).

4. Về án phí hình sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Hoàng Đình N phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo:

Căn cứ vào Điều 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định. ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương; (1)
- VKSND tỉnh Bình Dương; (1)
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương; (1)
- PV06 - Công an tỉnh Bình Dương; (1)
- VKSND thị xã M; (1)
- Công an thị xã M; (2)
- CCTHADS Tx.M (để thi hành); (1)
- Người tham gia tố tụng; (2)
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án. (2)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Quỳnh Nga